

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-05-2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Du

Bà Trần Thị Thu Hà

*- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Hương Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện
Vũng Liêm - Tỉnh Vĩnh Long.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia
phiên toà: Bà Đặng Thị Nghĩa – Kiểm sát viên.*

Ngày 20 tháng 05 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 125/2022/TLST – HNGĐ, ngày 17 tháng 03 năm 2022, về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Lương Thị K** – sinh năm: 1986 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: anh **Lê Văn V** – sinh năm: 1984 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lương Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh Lê Văn V hôn nhân hình thành do tự quen biết, tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình chị và anh V đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L vào ngày 17/04/2010.

Sau ngày cưới vợ chồng cùng lên thành phố làm thuê sinh sống được một thời gian thì cùng về ấp Q, xã H, huyện V sinh sống. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thường hay cự cãi, sau

đó anh V đi làm thuê không phụ lo kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay. Nay chị K nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn V.

- Về con chung: vợ chồng có 02 người con chung là cháu Lê Phước H, sinh ngày 24/12/2010 và cháu Lê Khả H, sinh ngày 29/08/2012 đang sống chung với chị K, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu H và cháu H, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh V thống nhất theo lời trình bày của chị K về mối quan hệ hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay với yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị K thì anh V đồng ý.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Phước H, sinh ngày 24/12/2010 và cháu Lê Khả H, sinh ngày 29/08/2012 đang sống chung với chị K, khi ly hôn anh V đồng ý giao cháu H và cháu H cho chị Khả nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh V không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh V không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 3, Điều 9, Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị K.

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị K và anh Lê Văn V.

- Về con chung: Giao cháu Lê Phước H, sinh ngày 24/12/2010 và cháu Lê Khả H, sinh ngày 29/08/2012 cho chị Lương Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lê Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Anh Lê Văn V và chị Lương Thị K thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị Lương Thị K phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- *Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh các con (bản sao); Đơn xin vắng mặt.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; Đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Nguyên đơn chị Lương Thị K và bị đơn anh Lê Văn V có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] **Về hôn nhân:** Mối quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh V là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị K và anh V đều thống nhất do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thường hay cự cãi vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay, anh V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị K và anh V không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được việc chị K và anh V thống nhất thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3] **Về con chung:** vợ chồng có 02 người con chung là cháu Lê Phước H, sinh ngày 24/12/2010 và cháu Lê Khả H, sinh ngày 29/08/2012. Sau khi ly hôn chị K yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H và cháu H thì anh V cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu H và cháu H có nguyện vọng muốn được sống với chị K, xét khả năng kinh tế và điều kiện sống của chị K đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Do vậy ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị K và anh V giao cháu Lê Phước H và cháu Lê Khả H cho chị K nuôi dưỡng là phù hợp phù hợp theo Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Chị K không yêu cầu anh Lê Văn V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng:** Chị Lương Thị K và anh Lê Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc chị Lương Thị K phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Lê Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

1/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị K.

- **Về quan hệ hôn nhân:** công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị K và anh Lê Văn V.

- **Về con chung:** Giao cháu Lê Phước H, sinh ngày 24/12/2010 và cháu Lê Khả H, sinh ngày 29/08/2012 cho chị Lương Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lê Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:** Chị Lương Thị K và anh Lê Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân:

Buộc chị Lương Thị K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008128, ngày 17 tháng 03 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Anh Lê Văn V không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;

- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Mỡn